

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ VC
TỈNH SÓC TRĂNG**
Bản án số: 22/2017/HSST
Ngày: 01/9/2017.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Vũ Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Phạm Thị Hương.**

Nghề nghiệp: Cán bộ.

Nơi công tác: Phòng Văn hóa và thông tin thị xã VC.

2. Ông **Nguyễn Quốc Vinh.**

Nghề nghiệp: Giáo viên.

Nơi công tác: Trung tâm dạy nghề và giáo dục thường xuyên thị xã VC.

Thư ký ghi biên bản phiên toà: Ông Lê Anh Đô – Cán bộ Tòa án nhân dân thị xã VC.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã VC: Ông Huỳnh Đy Na – Kiểm sát viên.

Trong ngày 01 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 24/2017/HSST ngày 15 tháng 8 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. Liêu N, sinh năm: 1979; Cư trú tại: ấp Khóm SC, phường 2, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Khmer; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: không biết chữ; Nghề nghiệp: Làm công; Con ông Liêu K (s) và bà Tăng Thị P (s); Anh, chị, em ruột: 08 người; Tiền sự: không; Tiền án: 03 tiền án:

+ Bản án số: 97/TA ngày 20/10/1997 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xử phạt 05 năm tù về tội “Trốn khỏi nơi giam”, chấp hành hình phạt đến ngày 02/9/2000 được đặc xá;

+ Bản án số: 22/2005/HSST ngày 11/7/2005 của Tòa án nhân dân huyện VC (nay thị xã VC) xử phạt 05 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, nhưng bị cáo Liêu N chưa chấp hành hình phạt tù theo Bản án này do bỏ trốn khỏi nơi giam;

+ Bản án số: 05/2006/HSST ngày 19/4/2006 bị Tòa án nhân dân huyện VC (nay thị xã VC) xử phạt 06 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” và 02 năm tù về tội “Trốn khỏi nơi giam”. Tổng hợp với Bản án số: 22/2005/HSST ngày 11/7/2005 của TAND huyện VC (nay thị xã VC), buộc Liêu N phải chấp hành hình phạt chung là 13 năm tù, đến ngày 26/9/2016 Liêu N chấp hành xong án phạt tù; Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 30/5/2017; (Bị cáo có mặt).

2. Nhan L (Nhan N), sinh năm: 1996; Nơi đăng ký HKTT: khóm BT, phường KH, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng; Hiện nay cư trú tại: ấp HK, xã VH, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Làm công; Trình độ học vấn: không biết chữ; Dân tộc: Khmer; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Con ông Nhan U (s) và bà Lâm Thị T (s); Anh

chị em ruột có: 08 người; Tiền án, tiền sự: không có; Bị cáo bị tạm giam ngày 30/5/2017 đến nay; (Bị cáo có mặt).

Người bị hại: Nguyễn Ngọc Đ, sinh năm: 1972; Cư trú tại: khóm SC, phường 2, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng; (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Kim Ri N (K), sinh năm 1986; Cư trú tại: ấp ẤT A, xã VH, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng; (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Nguyễn Ngọc Đ, sinh năm: 1981; Cư trú tại: Số 197B, đường ĐK, khóm 9, phường 3, thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng; (có mặt).

Người phiên dịch tiếng Hoa: Ông Triệu Khánh Long, Cán bộ nghỉ hưu, hiện đang sinh hoạt Đảng tại Chi bộ khóm 1, phường 1, thị xã VC; (có mặt).

Người phiên dịch tiếng Khmer: Ông Sơn Chốt, Cán bộ Đài truyền thanh, thị xã VC; (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Các bị cáo Liêu N và Nhan L bị Viện kiểm sát nhân dân thị xã VC truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Vào khoảng 03 giờ ngày 29/5/2017, Liêu N điều khiển xe mô tô biển số 83F3-9394 chở Nhan L đi ngang qua nhà của ông Nguyễn Ngọc H thuộc khóm SC, phường 2, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng phát hiện chiếc xe mô tô Wave Alpha biển số 83H4-8254 của ông Nguyễn Ngọc Đ đậu trước nhà của ông H, còn ông Đ đang nằm ngủ trên võng gần đó. Liêu N và Nhan L nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe mô tô biển số 83H4-8254 của ông Đ. Do xe bị khóa cổ nên N và L cùng nhau khiêng ra ngoài lộ và bẻ khóa cổ xe, bẻ gãy mặt nạ xe rồi rút dây điện và đập máy xe nhưng không nổ. Sau đó Nhan L điều khiển xe biển số 83F3-9394 của Liêu N chạy song song kề xe vừa trộm được nêu trên do Liêu N điều khiển chạy về hướng xã VH. Đến khoảng 07 giờ cùng ngày Liêu N và Nhan L đem chiếc xe mô tô biển số 83H4-8254 vừa trộm được vào tiệm sửa xe của ông Kim Ri N thuộc ấp ẤT A, xã VH để thay ổ khóa xe. Sau khi phát hiện xe bị mất trộm bị hại Nguyễn Ngọc Đ cùng với người nhà truy tìm và phát hiện chiếc xe của bị hại Đ trong tiệm sửa xe của ông N, nên đi trình báo với Đoàn biên phòng VH gần đó đến bắt giữ Liêu N, Nhan L cùng vật chứng. Sau đó giao cho cơ quan điều tra Công an thị xã VC xử lý theo quy định của pháp luật.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số: 23/KL-HĐĐGTS ngày 30/5/2017 của Hội đồng định giá tài sản kết luận: Xe mô tô Wave Alpha biển số 83H4-8254 giá trị còn lại là **7.000.000 đồng**.

- Tại cơ quan điều tra Công an thị xã VC các bị cáo Liêu N và Nhan L đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

- Tại bản Cáo trạng số: 24/QĐ-KSĐT ngày 11 tháng 8 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã VC truy tố: Bị cáo Liêu N về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009; Bị cáo Nhan L về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

- Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận:

Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo Liêu N và Nhan L thừa nhận hành vi phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” của bị hại Nguyễn Ngọc Đ. Riêng đối với bị cáo Liêu N có nhân thân xấu, có 03 tiền án (02 tiền án về tội trộm cắp tài sản và 01 tiền án về

tội trốn khỏi nơi giam) và trong thời gian chưa được xóa án tích, bị cáo Liêu N tiếp tục phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Cho nên, hành vi của bị cáo Liêu N thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm quy định tại điểm b khoản 2 Điều 49 của BLHS năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân thị xã VC vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo Liêu N và Nhan L về tội “trộm cắp tài sản”. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng:

Điểm c khoản 2 Điều 138; điểm g, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Các Điều 20, 53 của Bộ luật hình sự năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009, xử phạt bị cáo Liêu N mức án tù 02 năm tù đến 03 năm tù;

Khoản 1 Điều 138; điểm g, h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Các Điều 20, 53 của Bộ luật hình sự năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009, xử phạt bị cáo Nhan mức án tù 06 tháng tù đến 01 năm tù;

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Nguyễn Ngọc Đ đã nhận lại đủ tài sản bị mất trộm và không có yêu cầu bồi thường gì khác, nên không đặt ra xem xét.

Về xử lý vật chứng:

+ Đối với chiếc xe mô tô màu sơn nâu, số máy LC150FMG00576953 không có số khung tịch thu sung quỹ Nhà nước;

+ Đề nghị tịch thu tiêu hủy các vật chứng không còn giá trị sử dụng gồm: 01 tấm biển số xe 83F3-9394 (biển số giả không phải do cơ quan có thẩm quyền cấp), 01 cây kèm răng có vỏ bằng nhựa màu đỏ, 02 cây chìa khóa 17, 01 cây chìa khóa 13, 01 cây chìa khóa 11, 01 ổ khóa xe đã hỏng.

- Tại phiên tòa, các bị cáo Liêu N và Nhan L thừa nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung Cáo trạng truy tố, thống nhất với ý kiến của Kiểm sát viên. Các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

- Tại phiên tòa, bị hại Nguyễn Ngọc Đ thừa nhận có mất trộm chiếc xe mô tô Wave Alpha biển số 83H4-8254 đúng như nội dung cáo trạng đã nêu và lời nhận tội của các bị cáo. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Đ đã nhận lại tài sản bị mất trộm xong và không có yêu cầu gì khác; Về trách nhiệm hình sự: Bị hại Đ đề nghị xử lý các bị cáo theo quy định của pháp luật.

- Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Ngọc Đ trình bày: Chiếc xe mô tô Wave Alpha biển số 83H4-8254 đúng là do ông Đ đứng tên chủ sở hữu hợp pháp, nhưng chiếc xe này ông Đ đã cho bị hại Đ, nên ông Đ không có yêu cầu gì đối với chiếc này.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

** Về tố tụng:*

+ Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã VC, Viện kiểm sát nhân dân thị xã VC, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan xuất trình tài liệu, chứng cứ phù hợp với quy định của pháp luật; các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về

hành vi, quyết định tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

+ Tại phiên tòa hôm nay: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Kim Ri N có đơn xin xét xử vắng mặt và những người làm chứng gồm Nguyễn Ngọc H, Nguyễn Ngọc D vắng mặt. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra đã có lời khai đầy đủ và rõ ràng. Đồng thời, tại phiên tòa vị Kiểm sát viên và các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cũng đề nghị xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và những người làm chứng nêu trên. Xét thấy sự vắng mặt của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và những người làm chứng nêu trên không gây trở ngại cho việc xét xử vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 191 và Điều 192 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 tiến hành xét xử vắng mặt đối với những người nêu trên theo quy định của pháp luật.

** Về nội dung:*

Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo Liêu N và Nhan L thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình là: vào khoảng 03 giờ ngày 29/5/2017 có cùng nhau lấy trộm chiếc xe mô tô Wave Alpha biển số 83H4-8254 của bị hại Nguyễn Ngọc Đ có giá trị còn lại là 7.000.000 đồng.

Xét thấy lời nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người bị hại, các biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, vật chứng thu được cũng như các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Khi thực hiện hành vi phạm tội trộm cắp tài sản của bị hại Đ, các bị cáo không có sự câu kết chặt chẽ với nhau, nhưng có sự thống nhất ý chí trong việc thực hiện hành vi rủ nhau đi lấy trộm tài sản của bị hại với mục đích để lấy tiền chia nhau tiêu xài. Do vậy, vai trò của các bị cáo Liêu N và Nhan L chỉ là đồng phạm giản đơn đều với vai trò là người thực hành và các bị cáo Ngôn, Lết phải cùng gánh chịu hậu quả do hành vi của mình gây ra.

Đối với bị cáo Liêu N trước khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo Liêu N đã có 03 tiền án:

Bản án số: 97/TA ngày 20/10/1997 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xử phạt 05 năm tù về tội “Trốn khỏi nơi giam”, chấp hành hình phạt đến ngày 02/9/2000 được đặc xá; Bản án số: 22/2005/HSST ngày 11/7/2005 của Tòa án nhân dân huyện VCu (nay thị xã VC) xử phạt 05 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, nhưng bị cáo Liêu N chưa chấp hành hình phạt tù theo Bản án này do bỏ trốn khỏi nơi giam; Bản án số: 05/2006/HSST ngày 19/4/2006 bị Tòa án nhân dân huyện VC (nay thị xã VC) xử phạt 06 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” và 02 năm tù về tội “Trốn khỏi nơi giam”. Tổng hợp với Bản án số: 22/2005/HSST ngày 11/7/2005 của TAND huyện VC (nay thị xã VC), buộc LN phải chấp hành hình phạt chung là 13 năm tù, đến ngày 26/9/2016 Liêu N chấp hành xong án phạt tù;

Do bị cáo Liêu N chưa được xóa án tích, nay lại tiếp tục phạm tội “Trộm cắp tài sản” và chấp hành xong vào ngày 26/9/2016. Đây là trường hợp được coi là tái phạm nguy hiểm theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 49 của Bộ luật hình sự năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009 và đây là tình tiết định khung hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Do vậy, Cáo trạng số: 24/QĐ-KSĐT ngày 11/8/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã VC truy tố: Bị cáo Liêu N phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều

138 của Bộ luật hình sự năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009 và truy tố bị cáo Nhan L phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan sai cho các bị cáo.

Để cá thể hóa hình phạt nên cần xem xét đánh giá hành vi phạm tội của từng bị cáo như sau:

Đối với hành vi phạm tội của bị cáo Liêu N rất nguy hiểm cho xã hội và có nhân thân xấu. Bị cáo Liêu N có 02 tiền án về tội “*Trộm cắp tài sản*” và 01 tiền án về tội “*Trốn khỏi nơi giam*”. Sau khi chấp hành xong hình phạt tù, trong thời gian chưa được xóa án tích, bị cáo Liêu N liên tục tái phạm và nay tiếp tục phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”. Trong quá trình cải tạo không ăn năn hối cải và sửa chữa lỗi lầm của mình. Bị cáo là người khởi xướng kêu bị cáo Nhan L đi vào lấy trộm xe của bị hại Đ, do xe bị khóa cổ, bị cáo N trực tiếp vào cùng với bị cáo L khiêng xe ra ngoài và kèm xe cho bị cáo L bẻ khóa cổ xe. Với bản chất lười biếng lao động, muốn có tiền tiêu xài, nhằm thỏa mãn cho nhu cầu cá nhân, nên bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở mất cảnh giác của người quản lý tài sản để thực hiện hành vi lén lút trộm cắp tài sản. Xét thấy hành vi của bị cáo Liêu N gây dư luận xấu trong xã hội và gây ra sự lo sợ cho quần chúng nhân dân trong việc quản lý tài sản. Do vậy, đối với bị cáo Liêu N cần phải xử phạt thật nghiêm để làm gương cho người khác và phòng ngừa chung cho toàn xã hội. Tuy nhiên, cũng cần xem xét giảm nhẹ cho bị cáo như: Sau khi bị khởi tố bị cáo Liêu N có thành khẩn khai báo; Phạm tội gây thiệt hại không lớn và tài sản được thu hồi trả lại cho bị hại; Bị cáo có trình độ học vấn thấp và là người dân tộc Khmer nên nhận thức pháp luật cũng có phần hạn chế. Đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm g, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009 để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Đối với bị cáo Nhan L cũng là đồng phạm tích cực trong việc thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác với vai trò là người thực hành. Bị cáo cũng nhận thức được rằng việc cùng đồng bọn đi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn cố ý thực hiện. Với bản chất lười biếng lao động, muốn có tiền tiêu xài nhằm thỏa mãn cho nhu cầu cá nhân của mình, nên bị cáo Nhan L bắt chước việc nghiêm cấm của pháp luật để lao vào con đường phạm tội. Xét thấy hành vi của bị cáo Nhan L cũng gây nguy hiểm cho xã hội và tạo ra dư luận xấu trong xã hội. Do đó, cũng cần phải xử lý nghiêm, có một hình phạt nghiêm khắc để cải tạo giáo dục bị cáo trở thành người tốt sau này và phòng ngừa chung cho toàn xã hội. Tuy nhiên, cũng cần xem xét giảm nhẹ cho bị cáo như: Sau khi bị khởi tố bị cáo có thành khẩn khai báo và thừa nhận hành vi phạm tội của mình; Phạm tội gây thiệt hại không lớn và tài sản được thu hồi trả lại cho bị hại; Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự; Bị cáo là người dân tộc Khmer và có trình độ học vấn thấp, nên nhận thức pháp luật cũng có phần hạn chế. Đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm g, h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009 để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Đối với Kim Ri N trong quá trình điều tra không biết chiếc xe mô tô mà các bị cáo đem lại sửa là tài sản trộm cắp mà có. Do đó, cơ quan điều tra Công an thị xã VC chưa đủ cơ sở để xử lý Kim Ri N là có căn cứ và đúng với quy định của pháp luật.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Nguyễn Ngọc Đ đã nhận lại tài sản xong và không có yêu cầu bồi thường gì khác, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về xử lý vật chứng:

+ Tịch thu sung hủy Nhà nước chiếc xe mô tô màu sơn nâu, số máy LC150FMG00576953, không có số khung do các bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội;

+ Tịch thu hủy các vật chứng không còn giá trị sử dụng gồm: 01 tấm biển số xe 83F3-9394 (biển số giả không phải do cơ quan có thẩm quyền cấp), 01 cây kèm răng có vỏ bằng nhựa màu đỏ, 02 cây chìa khóa 17, 01 cây chìa khóa 13, 01 cây chìa khóa 11, 01 ổ khóa xe đã hỏng.

Theo Phiếu nhập kho số: NK30 ngày 16/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã VC.

- Tại phiên tòa xét thấy đề nghị của vị Kiểm sát viên là có cơ sở, phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo và đảm bảo quyền lợi hợp pháp của người bị hại, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo Liêu N và Nhan L (Nhan N), phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

Áp dụng: Điểm c khoản 2 Điều 138; điểm g, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; các Điều 20; **53 của** Bộ luật hình sự năm 1999 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009 đối với bị cáo Liêu N.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 138; điểm g, h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; các Điều 20; **53 của** Bộ luật hình sự năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009 đối với bị cáo Nhan L.

Tuyên xử:

1. Xử phạt bị cáo Liêu N: **03 (ba) năm tù**. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam là ngày 30/5/2017.

2. Xử phạt bị cáo Nhan L (Nhan N): **01 (một) năm tù**. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam là ngày 30/5/2017.

3. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Nguyễn Ngọc Đ đã nhận lại tài sản xong và không có yêu cầu bồi thường gì khác, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 41 của Bộ luật hình sự năm 1999, đã sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm a khoản 2 Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003:

+ Tịch thu sung quỹ Nhà nước chiếc xe mô tô màu sơn nâu, số máy LC150FMG00576953 không có số khung;

+ Tịch thu tiêu hủy các vật chứng không còn giá trị sử dụng gồm: 01 tấm biển số xe 83F3-9394 (biển số giả không phải do cơ quan có thẩm quyền cấp), 01 cây kèm răng có vỏ bằng nhựa màu đỏ, 02 cây chìa khóa 17, 01 cây chìa khóa 13, 01 cây chìa khóa 11, 01 ổ khóa xe đã hỏng.

Theo Phiếu nhập kho số: NK30 ngày 16/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã VC.

5. Án phí hình sự sơ thẩm: Buộc các bị cáo Liêu N và Nhan L mỗi bị cáo phải nộp là 200.000 đồng.

Báo cho các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

“Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014)”.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Vĩnh Châu;
- CA thị xã Vĩnh Châu;
- Chi cục THADS thị xã Vĩnh Châu;
- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng;
- Bị cáo, bị hại, NCQLNVLQ;
- Phòng KTNV & THA TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Vũ Phương